

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN,
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 89/2024/HNGĐ-ST

Ngày 18 – 6 – 2024

V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Lâm Hoài Ân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Giang.

2. Bà Đoàn Thị Sim.

- Thư ký phiên toà: Ông Lữ Tấn Thiên – Là Thư ký Toà án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 18 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 153/2024/TLST - HNGĐ ngày 10/5/2024 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 97/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Bùi Công T, sinh năm 1972; Địa chỉ: ấp Hưng H, xã Tân H, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau (có mặt).

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1974; Địa chỉ: ấp Hưng H, xã Tân H, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ông Bùi Công T và bà Nguyễn Thị H tự nguyện chung sống với nhau năm 2001, có tổ chức cưới gả theo phong tục nhưng không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu giữa vợ chồng chung sống rất hạnh phúc nhưng đến khoảng năm 2019, giữa vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng ý kiến, quan điểm sống từ đó đời sống chung của vợ chồng không hạnh phúc, hiện ông T và bà H sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Nay ông T yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà H, riêng bà H cũng đồng ý ly hôn với ông T.

Về con chung, ông T và bà H chung sống với nhau có 02 người con chung là Bùi Thêm Ngọc, sinh ngày 05/01/2005 và Bùi Lợi Gia, sinh ngày 29/9/2006. Hiện cháu Ngọc đã thành niên nên khi ly hôn, ông T cùng bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Riêng cháu Gia có nguyện vọng được chung sống với bà H nên ông T và bà H thỏa

thuận thống nhất giao cháu Gia cho bà H nuôi, không đặt ra yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, ông T và bà H sẽ tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung, ông T và bà H khai không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về hôn nhân, ông Bùi Công T và bà Nguyễn Thị H chung sống với nhau từ năm 2001 đến nay tuy đủ điều kiện kết hôn nhưng ông, bà không đăng ký kết hôn theo luật định nên căn cứ vào khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình thì việc kết hôn trên không được đăng ký theo quy định là không có giá trị pháp lý. Nay ông T, bà H cùng đồng ý chấm dứt quan hệ hôn nhân do có nhiều mâu thuẫn.

Xét mâu thuẫn thực tế được các đương sự thừa nhận là có thật và cũng chính từ mâu thuẫn trên mà các đương sự không còn tình cảm với nhau. Đồng thời, do hôn nhân có vi phạm về mặt hình thức nên quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà H không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[3] Về con chung là Bùi Thêm Ngọc, sinh ngày 05/01/2005 và Bùi Lợi Gia, sinh ngày 29/9/2006. Khi ly hôn, ông T và bà H thỏa thuận, thống nhất giao cháu Gia cho bà H nuôi và không cấp dưỡng nuôi con, riêng cháu Ngọc đã thành niên tự nuôi sống bản thân được nên ông bà không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Xét thấy, việc thỏa thuận người trực tiếp nuôi con và trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con giữa các đương sự hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định của pháp luật và nguyện vọng của cháu Gia nên chấp nhận.

[4] Về tài sản chung, ông T và bà H tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung, ông T và bà H khai không có nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, ông T phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 9, 14, 53, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào các Điều 144, 147 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân, không công nhận vợ chồng giữa ông Bùi Công T và bà Nguyễn Thị H.

- Về con chung là Bùi Thêm Ngọc, sinh ngày 05/01/2005 và Bùi Lợi Gia, sinh ngày 29/9/2006. Hiện cháu Ngọc đã thành niên, nên không đặt ra xem xét riêng cháu Gia tiếp tục giao cho bà H chăm sóc, nuôi dưỡng và không đặt ra yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Ông Bùi Công T có quyền đến thăm nom, chăm sóc và nuôi dạy con chung.

- Về tài sản chung, ông Bùi Công T và bà Nguyễn Thị H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

- Về nợ chung, ông Bùi Công T và bà Nguyễn Thị H khai không có, nên không đặt ra xem xét.

- Về án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình, ông Bùi Công T phải chịu số tiền 300.000 đồng. Ngày 10/5/2024, ông T đã nộp tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai số 0003485 được đối trừ, chuyển thu sung quỹ Nhà nước.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**
(Đã ký)

Lâm Hoài Ân